

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HS-ST
Ngày: 21-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Ương.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Thạch,

Ông Lê Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Luyện Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/HSST ngày 04 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2019/QĐXXST-HS ngày 11/6/2019 đối với bị cáo:

Cao Xuân T; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 22 tháng 8 năm 1994; Tại huyện D, tỉnh Nghệ An;

Nơi ĐKKTT và nơi cư trú: Xóm 5, xã T, huyện D, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; Trình độ văn hóa: 9/12 phổ thông; Con ông: Cao Bá T (Đã chết); Con bà: Đoàn Thị L - Sinh năm 1956; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lý Thị N - Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Hoàng Văn H - Sinh năm 1959

Trú tại: Xóm N, Thị trấn K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 50 phút, ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại xóm M, thị trấn K, huyện T, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Cao Bằng, phối hợp với Công an huyện T đang làm nhiệm vụ, phát hiện Hoàng Văn H đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, Biển kiểm soát 11B1-227.xx theo hướng cửa khẩu B ra thị trấn K, trên xe chở Cao Xuân T, ngồi đằng sau ôm một bao tải màu vàng và một vali màu đen. Qua kiểm tra bên trong bao tải và vali chứa nhiều hộp vuông và dây cuộn tròn dạng bánh, nghi là pháo. Tiến hành cân xác định trọng lượng các hộp vuông và dây cuộn tròn trong bao tải là 22kg (hai mươi hai kilôgam), trong va li là 14kg (mười bốn kilôgam), tổng cộng là 36kg (ba mươi sáu kilôgam). Cao Xuân T khai nhận bao tải và va li là của T, bên trong đều đựng pháo. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đưa người cùng toàn bộ tang vật về Cơ quan Công an để điều tra làm rõ.

Ngày 14/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định vật chứng. Tại bản kết luận giám định số 294/C09-P2 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “01 khối hộp, vỏ bằng giấy màu, bên trong gồm 36 vật hình trụ, vỏ giấy được liên kết với nhau là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ); các vật hình trụ, vỏ giấy màu đỏ, đầu mỗi vật có gắn dây ngòi, được liên kết với nhau thành tràng (01 tràng) là pháo nổ”.

Quá trình điều tra, Cao Xuân T khai nhận: Do quen biết một người tên là K, không rõ địa chỉ cụ thể (là người Việt Nam, hiện lấy chồng và sinh sống ở bên Trung Quốc) có bán pháo, nên T kết bạn với K qua mạng xã hội Zalo rồi đặt mua với K 25 hộp pháo Trung Quốc, loại 36 quả và 01 cuộn bánh pháo tròn, thỏa thuận giá là 4.500.000đ, thanh toán khi gặp giao nhận hàng. Mục đích T mua pháo để mang về Nghệ An, bán lại cho người khác kiếm lời, nên khoảng 14 giờ ngày 10/01/2019, T đi xe khách đến thị trấn K, huyện T, Cao Bằng rồi thuê Hoàng Văn H, làm nghề xe ôm, chở T mang theo 01 vali kéo màu đen đến khu vực cửa khẩu B, T xin số điện thoại của H và dặn “khi nào gọi thì đến đón”. Tại khu vực cửa khẩu B, T gặp K rồi nhận pháo, đưa vào 01 bao tải dứa màu vàng,

01 vali kéo màu đen. Sau đó T gọi điện cho H đến chở T và số hàng trên về thị trấn K (H không biết bên trong bao tải và vali có chứa pháo). Trên đường đi đến xóm M, thị trấn K, Trà Lĩnh, Cao Bằng thì bị tổ công tác Phòng PC03 Công an tỉnh Cao Bằng phối hợp với Công an huyện T kiểm tra phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi của Cao Xuân T đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội: “Buôn bán hàng cấm”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 18/CT-VKSCB-P2 Ngày 02/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố Cao Xuân T về tội: “Buôn bán hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố.

Bị cáo khai: Cách đây 01 năm, bị cáo sang Trung Quốc lao động, có quen biết một người tên là A. Bị cáo có xin anh A số điện thoại của chị K và làm quen với chị K trên mạng xã hội Zalo (chị K là người Việt Nam lấy chồng Trung Quốc). Thời gian gần đây, chị K có đăng bài trên mạng xã hội Zalo là có bán pháo. Bị cáo đã chủ động liên lạc với chị K để mua pháo. Mục đích mua pháo về Nghệ An để bán kiếm lời. Ngày 09/01/2019 bị cáo đi xe khách từ Nghệ An ra Hà Nội, Ngày 10/01/2019 bị cáo tiếp tục đi xe khách lên Cao Bằng, vào khu vực cửa khẩu B để mua pháo với chị K, sau khi mua được pháo, bị cáo gọi điện cho người xe ôm đến đón về thị trấn K, đi được khoảng 01km thì bị công an bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số pháo đưa về trụ sở công an giải quyết. Người xe ôm chỉ được bị cáo thuê đưa đón, không tham gia và không biết việc bị cáo mua bán pháo.

Người làm chứng Hoàng Văn H khai: Tôi làm nghề chạy xe ôm ở khu vực bến xe khách huyện T, tỉnh Cao Bằng. T có thuê tôi chở lên hướng cửa khẩu B và đón quay về thị trấn K. Tôi không biết và không liên quan đến việc T mua bán pháo. Trước khi chở T và số hàng từ cửa khẩu ra thị trấn K, tôi có hỏi T: “Có phải hàng cấm không?” T trả lời “Không phải”, nên tôi mới chở. Tôi không biết bên trong va ly và bao tải có chứa hàng gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Cao Xuân T về tội: “Buôn bán hàng cấm”. Sau khi phân tích tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Xuân T từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị xử tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số pháo, là vật chứng vụ án. Tịch thu phát mại sung công chiếc điện thoại di động, bị cáo đã dùng để liên lạc thực hiện tội phạm, hoàn trả lại cho bị cáo số tiền 700.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam (vì không liên quan đến hành vi phạm tội) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về án phí, buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa bà Lý Thị N trình bày lời bào chữa cho bị cáo Cao Xuân T: Về cơ bản nhất trí với bản cáo trạng và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, nên bị cáo đã có thời gian sang Trung Quốc lao động, kiếm tiền phụ giúp gia đình, khi biết chị K có bán pháo, do suy nghĩ giản đơn, mua pháo về bán kiếm lời, bị cáo đã vi phạm pháp luật. Bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt, sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bố của bị cáo được nhà nước tặng thưởng “Huân chương chiến sĩ vẻ vang” vì đã có thành tích phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam. Có xác nhận của chính quyền địa phương gia đình bị cáo là hộ nghèo, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do vậy, đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không có ý kiến gì bổ sung, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo Cao Xuân T và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo Cao Xuân T hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 16 giờ 50 phút, ngày 10/01/2019 của phòng cảnh sát kinh tế công an tỉnh Cao Bằng, đối với Cao Xuân T. Tiến hành cân xác định trọng lượng các hộp vuông và dây cuộn tròn trong bao tải là 22kg (hai mươi hai kilôgam), trong va li là 14kg (mười bốn kilôgam), tổng cộng là 36kg (ba mươi sáu kilôgam). Tại bản kết luận giám định số 294/C09-P2 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “01 khối hộp, vỏ bằng giấy màu, bên trong gồm 36 vật hình trụ, vỏ giấy được liên kết với nhau là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ); các vật hình trụ, vỏ giấy màu đỏ, đầu mỗi vật có gắn dây ngòi, được liên kết với nhau thành tràng (01 tràng) là pháo nổ”.

Từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Cao Xuân T đã có hành vi buôn bán 36 kg pháo với động cơ, mục đích kiếm lời. Hành vi đó của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Cao Xuân T về tội danh và điều luật áp dụng như bản cáo trạng nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý một số loại hàng hóa mà Nhà nước cấm các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự khu vực biên giới, nên cần xử lý nghiêm để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ở địa phương.

[3]. Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đối với bị cáo:

Bị cáo Cao Xuân T có trình độ văn hóa 9/12 là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Ngày 18/12/2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” đã được xóa án tích. Bị cáo hiểu biết rõ việc Nhà nước cấm buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng pháo nổ trái phép, nhưng vì hám lời, nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bố của bị cáo là người có thành tích phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam, được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang.

Do vậy, cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng: Không có.

Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận. Không có căn cứ cho bị cáo hưởng án treo theo quan điểm của người bào chữa.

Về hình phạt bổ sung: Bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Hoàng Văn H là người được bị cáo T thuê điều khiển xe máy chở bị cáo từ khu vực cửa khẩu B về thị trấn K, H không biết bên trong bao tải dưa và va li của bị cáo T mang theo đựng pháo. Đến khi bị cơ quan chức năng kiểm tra, thì H mới biết là mặt hàng pháo, nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với H.

[4]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Cần xử tịch thu tiêu hủy toàn bộ số pháo đã được thu giữ (vật chứng vụ án là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành) và những vật chứng không có giá trị sử dụng. Tịch thu phát mại 01 chiếc điện thoại di động (là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc trao đổi mua bán pháo) để sung vào ngân sách nhà nước. Trả lại cho bị cáo số tiền 700.000,đ (vì không liên quan đến hành vi phạm tội).

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Cao Xuân T phạm tội: “Buôn bán hàng cấm”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Xuân T 24 (Hai tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/01/2019.

3. Về việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

* Xử tịch thu tiêu hủy:

- 02 (Hai) thùng cát tông niêm phong tang vật, ghi “tang vật vụ Cao Xuân T buôn bán hàng cấm (Pháo) bắt quả tang ngày 10/01/2019; 01 (Một) vali kéo màu đen; 01 (Một) bao tải màu vàng.

* Xử tịch thu phát mại sung vào ngân sách nhà nước số vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu trắng, có số IMEL1: 8655690342779xx.

* Xử trả lại cho bị cáo Cao Xuân T số tiền NHNN Việt Nam 700.000,đ (Bảy trăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ số tiền này để bảo đảm thi hành án.

Xác nhận toàn bộ số vật chứng trên đã được chuyển giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản bàn giao vật chứng số 38 ngày 09 tháng 5 năm 2019.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Cao Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Cao Xuân T có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan CSĐT tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Tổ HCTP;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Ương